



VAN HỒI KITZ 10SJBF

NHÃN HIỆU

MODEL

Kết Nối

Thân Van

Nắp Van

Ty Van

Đĩa Van

Đệm Kín

Nhiệt Độ

Áp Lực

Kích Cỡ

Tình Trạng

Đơn Giá

KITZ

FIG. 10SJBF

Mặt bích JIS10K FF

Gang dẽo / FCD-S

Gang dẽo / FCD-S

Thép không gỉ SUS420J2

Thép không gỉ SUS403

Thép không gỉ phủ than chì

Nước 120°C

Hơi nóng, khí nén, gas, dầu 220°C

Nước: 1.4 MPa ~ 14 kgf/cm²

Hơi nóng, khí nén, gas, dầu: 1MPa ~ 10 kgf/cm²

DN10 → DN80 (3/8 Inch → 3 Inch)

Hàng có sẵn, mới 100%

Liên hệ

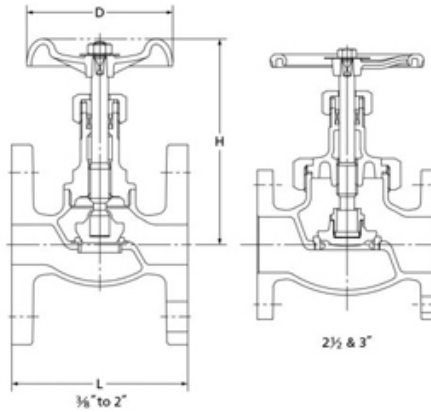
10K Globe Valve

10SJBF

S.B.I.S. or U.B.I.S.
FF-flanged



S.B.I.S. for 2" & smaller
U.B.I.S. for 2 1/2" & 3"



F-F dimension : JIS B 2011 *
End flanges : JIS B 2239 10K
* KITZ Std. for 3/8"

120°C Static water..... 1.4MPa
220°C Steam, air, gas, oil..... 1.0MPa

● Use for lubricating or hydraulic oil is acceptable. Contact KITZ Corporation for technical advice, if valves are used as heat transfer media.

Materials

Parts	JIS material
Body	FCD-5
Bonnet	FCD-5
Stem	SUS420J2
Disc	SUS403
Body seat ring	SUS403
Gland	SUS403 (3/8" ~ 3/4" : SUS420J2)
Gland packing	Non-asbestos Packing
Packing nut	FCD-5
Handwheel	FCD450 (2 1/2" & 3" : FCD400)
Wheel nut	SS400
Gasket	Stainless Foil Inserted Flexible Graphite
Bonnet ring	FCD-5
Name plate	A1050P

Dimensions

Size	mm									
	10	15	20	25	32	40	50	65	80	
inch	3/8	1/2	3/4	1	1 1/4	1 1/2	2	2 1/2	3	
L	85	85	95	110	130	150	180	210	240	
H (open)	108	122	125	146	160	180	198	250	280	
D	60	70	80	90	100	115	135	180	225	

NOTE : For flange dimensions, refer to Page 40. ※RF-flanged ends shall be optionally available.

Sản phẩm khác



—

[VAN BƯỚM KITZ G-PN10ZJUE](#)

[Xem thêm VAN BƯỚM KITZ G-PN10ZJUE](#)



—

[VAN BƯỚM KITZ PN10ZJUE](#)

[Xem thêm VAN BƯỚM KITZ PN10ZJUE](#)



—

[VAN 1 CHIỀU KITZ 10SFBF](#)

[Xem thêm VAN 1 CHIỀU KITZ 10SFBF](#)



—

[VAN 1 CHIỀU KITZ 10SF](#)

[Xem thêm VAN 1 CHIỀU KITZ 10SF](#)



—

[VAN 1 CHIỀU KITZ 150SCOS](#)

[Xem thêm VAN 1 CHIỀU KITZ 150SCOS](#)



—

[VAN BI KITZ 150SCTDZ](#)

[Xem thêm VAN BI KITZ 150SCTDZ](#)